

Số: CT/NQ-ĐHĐCĐ

Lai Châu, ngày 17 tháng 04 năm 2023

## DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

### ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023 CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 7.02

#### Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được thông qua ngày 17/06/2020 của Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Sông Đà 7.02.
- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần Sông Đà 7.02.

#### **QUYẾT NGHỊ**

Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Sông Đà 7.02 thống nhất biểu quyết thông qua các nội dung sau:

**Điều 1:** Thông qua báo cáo của HĐQT về tình hình thực hiện nhiệm vụ SXKD theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022, với một số chỉ tiêu chủ yếu sau:

TT	CÁC CHỈ TIÊU	ĐVT	NĂM 2022		
			Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ %
<b>A</b>	<b>Giá trị SXKD</b>	<b>10<sup>3</sup>đ</b>	<b>42.087.291</b>	<b>42.602.809</b>	<b>101,2%</b>
1	Giá trị sản xuất điện thương mại	10 <sup>3</sup> đ	42.087.291	42.602.809	
-	Sản lượng điện	Kwh	33.510.470	33.037.240	
-	Tổng giá trị sản xuất	10 <sup>3</sup> đ	42.087.291	42.602.809	
2	Giá trị ngoài xây lắp và kinh doanh khác	10 <sup>3</sup> đ	0	0	
<b>B</b>	<b>Doanh thu</b>	<b>10<sup>3</sup>đ</b>	<b>42.087.291</b>	<b>42.602.809</b>	<b>101,2%</b>
1	Doanh thu bán điện	10 <sup>3</sup> đ	42.087.291	42.602.809	101,2%
2	Thu nhập khác	10 <sup>3</sup> đ	0	0	
3	Doanh thu HĐTC	10 <sup>3</sup> đ	0	3.030	
<b>C</b>	<b>Tổng chi phí sản xuất</b>	<b>10<sup>3</sup>đ</b>	<b>35.830.870</b>	<b>32.827.350</b>	<b>91,6%</b>
<b>C1</b>	<b>Các khoản chi phí TT</b>	<b>10<sup>3</sup>đ</b>	<b>23.241.688</b>	<b>21.027.953</b>	
1	Chi phí nhân công vận hành nhà máy	10 <sup>3</sup> đ	2.180.957	1.911.818	
2	Chi phí sản xuất chung	10 <sup>3</sup> đ	8.443.954	6.684.885	

	<i>Trong đó: Tiền thuế TN nước và dịch vụ MTR</i>		4.767.637	4.628.790	
3	Chi phí khấu hao TSCĐ	10 <sup>3</sup> đ	12.483.279	12.431.250	
<b>C2</b>	<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>10<sup>3</sup>đ</b>	<b>1.645.734</b>	<b>1.453.834</b>	
-	<i>Chi phí tiền lương và bảo hiểm xã hội</i>	<i>10<sup>3</sup>đ</i>	<i>1.029.217</i>	<i>960.671</i>	
-	<i>Chi phí vật liệu quản lý</i>	<i>10<sup>3</sup>đ</i>	<i>98.024</i>	<i>86.631</i>	
-	<i>Chi phí đồ dùng văn phòng</i>	<i>10<sup>3</sup>đ</i>	<i>31.690</i>	<i>14.942</i>	
-	<i>Thuế và lệ phí</i>	<i>10<sup>3</sup>đ</i>	<i>12.000</i>	<i>8.383</i>	
-	<i>Chi phí dịch vụ thuê ngoài</i>	<i>10<sup>3</sup>đ</i>	<i>154.893</i>	<i>102.270</i>	
-	<i>Chi phí dự phòng</i>	<i>10<sup>3</sup>đ</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>Dự phòng công nợ khó đòi</i>
-	<i>Chi bằng tiền khác</i>	<i>10<sup>3</sup>đ</i>	<i>319.908</i>	<i>280.935</i>	<i>Bao gồm cả thù lao HĐQT</i>
<b>C3</b>	<b>Chi phí lãi vay vốn</b>	<b>10<sup>3</sup>đ</b>	<b>10.943.447</b>	<b>10.294.546</b>	
<b>C4</b>	<b>Chi phí tài chính khác</b>	<b>10<sup>3</sup>đ</b>	<b>0</b>	<b>51.017</b>	
<b>D</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>10<sup>3</sup>đ</b>	<b>6.256.421</b>	<b>9.778.488</b>	<b>156,3%</b>
<b>E</b>	<b>Lao động và tiền lương</b>				
-	Tổng số CBCNV bình quân	Người	16	16	
-	Tiền lương bq CBCNV/tháng/người	10 <sup>3</sup> đ	14.000	13.703	98%
<b>F</b>	<b>Giá trị đầu tư</b>	<b>10<sup>3</sup>đ</b>	<b>5.000.000</b>	<b>0</b>	
<b>1</b>	<b>Dự án nhà máy thủy điện Nậm Thi 1</b>	<b>10<sup>3</sup>đ</b>	<b>5.000.000</b>	<b>0</b>	
-	<i>Chi phí tư vấn, khảo sát thiết kế</i>	<i>10<sup>3</sup>đ</i>	<i>2.000.000</i>	<i>0</i>	
-	<i>Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng</i>	<i>10<sup>3</sup>đ</i>	<i>3.000.000</i>	<i>0</i>	
<b>2</b>	<b>Dự án nhà máy thủy điện Nậm Thi 2</b>	<b>10<sup>3</sup>đ</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
<b>E</b>	<b>Tỷ lệ cổ tức/vốn điều lệ</b>	<b>10<sup>3</sup>đ</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	

Biểu quyết nhất trí thông qua với.....cổ phần, đạt.....% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

**Điều 2:** Thông qua báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán và phương án phân phối lợi nhuận.

**1. Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán**

Đại hội đã nhất trí thông qua báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC số: 090323.002/BCTC:KT5 ngày 09 tháng 3 năm 2023, như sau:

I. Tổng tài sản tính đến 31/12/2022:	<b>242.865.877.776</b> đồng.
+ Tài sản ngắn hạn:	9.454.266.067 đồng.
+ Tài sản dài hạn:	233.411.611.709 đồng.
II. Tổng nguồn vốn tính đến 31/12/2021:	<b>242.865.877.776</b> đồng.
+ Nợ phải trả:	127.724.930.243 đồng.
+ Vốn chủ sở hữu:	115.140.947.533 đồng.

Đại hội thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn Công ty Kiểm toán được UBCK Nhà nước chấp thuận để thực hiện Kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023.

*Biểu quyết nhất trí thông qua với..... cổ phần, đạt ..... % số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.*

## 2. Thông qua phương án phân chia lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2022:

Tổng lợi nhuận sau thuế năm 2022 (lãi): 9.778.488.447 đồng

Năm 2022 đơn vị chỉ tập trung công tác quản lý vận hành nhà máy thủy điện Nậm Thi 2 ( 8MW), đồng thời quyết toán thu hồi vốn phần dở dang xây lắp còn lại tại các công trình nhận thầu. Thời tiết trong năm thuận lợi có mưa nhiều hơn và không bị sự cố khi vận hành phát điện nên sản lượng phát điện thương phẩm của nhà máy ổn định tương đương với cùng kỳ năm trước, đồng thời lãi vay phải trả ngân hàng năm 2022 giảm do đã thanh toán được thêm khoản nợ gốc, do vậy kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 của Công ty đã có lãi lớn hơn năm 2021.

Phân phối lợi nhuận: Năm 2022 Công ty đã có lãi nhưng phải bù lỗ các năm trước theo quy định, do vậy lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến 31/12/2022 vẫn còn đang bị lỗ 6,3 tỷ đồng, vì vậy năm 2022 chưa có cổ tức để chia cho cổ đông.

*Biểu quyết nhất trí thông qua với ..... cổ phần, đạt .....% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.*

## **Điều 3: Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 như sau:**

TT	CÁC CHỈ TIÊU	ĐVT	Kế hoạch năm 2023
<b>A</b>	<b>Sản lượng và doanh thu</b>		
1	Sản lượng điện	Kwh	33.510.470
2	Doanh thu tiền phát điện thương mại	10 <sup>3</sup> đ	42.024.813
<b>B</b>	<b>Các khoản chi phí sản xuất</b>	<b>10<sup>3</sup>đ</b>	<b>35.083.391</b>
<b>I</b>	<b>Các khoản chi phí trực tiếp</b>	<b>10<sup>3</sup>đ</b>	<b>23.326.120</b>
1	Chi phí tiền lương nhân công vận hành	10 <sup>3</sup> đ	2.429.168
2	Chi phí sản xuất chung	10 <sup>3</sup> đ	20.896.952

TT	CÁC CHỈ TIÊU	ĐVT	Kế hoạch năm 2023
	Trong đó: + Chi phí khấu hao TSCĐ	10 <sup>3</sup> đ	12.483.279
	+ Chi phí thuế TN và DVMTR	10 <sup>3</sup> đ	4.705.159
<b>II</b>	<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>10<sup>3</sup>đ</b>	<b>1.592.659</b>
	+ Chi phí quản lý doanh nghiệp	10 <sup>3</sup> đ	1.592.659
	+ Phân bổ giá trị lợi thế thương mại	10 <sup>3</sup> đ	0
<b>III</b>	<b>Chi phí lãi vay</b>	<b>10<sup>3</sup>đ</b>	<b>10.164.610</b>
<b>D</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>10<sup>3</sup>đ</b>	<b>6.941.422</b>
<b>E</b>	<b>Lao động và tiền lương</b>		
-	Tổng số CBCNV bình quân	Người	16
-	Tiền lương bq CBCNV/tháng/người	10 <sup>3</sup> đ	14.000
<b>F</b>	<b>Kế hoạch đầu tư</b>	<b>10<sup>3</sup>đ</b>	<b>5.000.000</b>
<b>I</b>	<b>Dự án thủy điện Nậm Thi 1</b>	<b>10<sup>3</sup>đ</b>	<b>5.000.000</b>
1	Công tác tư vấn, khảo sát thiết kế	10 <sup>3</sup> đ	2.000.000
2	Côn tác đền bù giải phóng mặt bằng	10 <sup>3</sup> đ	3.000.000
3	Chi phí xây dựng	10 <sup>3</sup> đ	0

Biểu quyết nhất trí thông qua với ..... cổ phần, đạt .....% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

**Điều 4: Thông qua mức chi trả thù lao HĐQT, BKS và thư ký năm 2022, phương án chi trả thù lao của HĐQT, BKS và thư ký năm 2023:**

1/ Việc chi trả tiền thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, thư ký HĐQT công ty năm 2022 phải chi trả là:

TT	Tiền lương, thù lao khoán trong năm	Số người	Thành tiền (VNĐ)
1	Chủ tịch Hội đồng quản trị	01	24.000.000
2	Thành viên HĐQT	02	36.000.000
3	Trưởng Ban kiểm soát	01	18.000.000
4	Thành viên Ban kiểm soát	02	24.000.000
5	Thư ký	01	12.000.000
	<b>Tổng cộng:</b>		<b>114.000.000</b>

## 2/ Phương án chi trả thù lao HĐQT, Ban kiểm soát, thư ký HĐQT Công ty năm 2023.

Năm 2022 Công ty tiếp tục công tác chuẩn bị triển khai đầu tư xây dựng dự án nhà máy thủy điện Nậm Thi 1 và quản lý vận hành phát điện nhà máy Nậm Thi 2, dựa trên chỉ tiêu hoàn thành kế hoạch tiến độ của dự án và công tác sản xuất kinh doanh, Công ty xây dựng phương án chi trả thù lao của HĐQT, BKS như sau:

### a) Hoàn thành đúng tiến độ và các chỉ tiêu kế hoạch SXKD của dự án:

- Mức thù lao đối với Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm là: 3.000.000đ/người/tháng
- Mức thù lao đối với Thành viên HĐQT, Trưởng BKS là : 2.000.000đ/người/tháng
- Mức thù lao đối với Thành viên BKS, thư ký HĐQT là: 1.500.000đ/người/tháng

### b) Hoàn thành 80% tiến độ và các chỉ tiêu kế hoạch SXKD của dự án:

- Mức thù lao đối với Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm là: 2.000.000đ/người/tháng
- Mức thù lao đối với Thành viên HĐQT, Trưởng BKS là : 1.500.000đ/người/tháng
- Mức thù lao đối với Thành viên BKS, thư ký HĐQT là: 1.000.000đ/người/tháng

### c) Hoàn thành <80% tiến độ và các chỉ tiêu kế hoạch SXKD của dự án:

- Mức thù lao đối với Chủ tịch kiêm nhiệm là: 1.500.000đ/người/tháng
- Mức thù lao đối với Thành viên HĐQT, Trưởng BKS là : 1.000.000đ/người/tháng
- Mức thù lao đối với Thành viên BKS, thư ký HĐQT là: 500.000đ/người/tháng

**d) Khi dự án hoàn thành vượt tiến độ và các chỉ tiêu kế hoạch:** Công ty sẽ trình Đại hội cổ đông phương án chi trả bổ xung mức thù lao trong năm và có kế hoạch khen thưởng cho Ban lãnh đạo Công ty.

### Ghi chú:

- Điều kiện hưởng thù lao: Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
- Phương thức thanh toán thù lao:

+ Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát, thư ký HĐQT được trả theo quý và hạch toán vào chi phí quản lý Công ty.

+ Cuối năm căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành kế hoạch tiến độ của dự án và các chỉ tiêu kế hoạch trong năm của Công ty để quyết toán mức chi trả thù lao cả năm.

*Biểu quyết nhất trí thông qua với ..... cổ phần, đạt .....% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.*

### **Điều 5: Thông qua báo cáo hoạt động và thẩm định của Ban kiểm soát về công tác quản lý Công ty của HĐQT và Tổng giám đốc Công ty năm 2022.**

*Biểu quyết nhất trí thông qua với ..... cổ phần, đạt .....% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.*

### **Điều 6: Phương án tăng vốn điều lệ:**

Do điều kiện thực tế của Công ty cổ phần Sông Đà 7.02 và các quy định của Luật chứng khoán do vậy Công ty chỉ được tăng vốn theo phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ

1. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
2. Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/01 cổ phần

24.5c  
TY  
AN  
7.0  
T.L.A

**3. Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành:** 6.000.000 ( Sáu triệu ) cổ phiếu

**4. Tổng giá trị dự kiến phát hành:** 60.000.000.000 đồng ( Sáu mươi tỷ đồng )

**5. Đối tượng phát hành:** Cổ phần chào bán trong đợt phát hành riêng lẻ này sẽ được chào bán cho dưới 100 nhà đầu tư thuộc các đối tượng sau

- Các cổ đông chiến lược, các cán bộ chủ chốt của Công ty, CBCNV trong Công ty, các cổ đông hiện hữu của Công ty có nhu cầu.

- Các nhà đầu tư khác được lựa chọn trên cơ sở thỏa mãn một hoặc một số tiêu chí sau:

+ Các nhà đầu tư bày tỏ thiện chí hợp tác trong quá trình đàm phán việc mua bán cổ phiếu, đồng thời có năng lực tài chính, đảm bảo sẽ thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán theo quy định;

+ Các nhà đầu tư có chiến lược và văn hóa kinh doanh phù hợp, không có xung đột về lợi ích với chiến lược phát triển của Công ty và thể hiện cam kết gắn bó lợi ích với sự phát triển của Công ty;

+ Các nhà đầu tư có đóng góp quan trọng vào hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

**6. Phương thức phát hành:** Chào bán riêng lẻ (dưới 100 nhà đầu tư)

**7. Xử lý số cổ phiếu không phân phối hết phát sinh (nếu có)**

Trường hợp kết thúc đợt chào bán, số lượng cổ phiếu không được các nhà đầu tư dự kiến đăng ký mua hết (nếu có) HĐQT sẽ điều chỉnh giảm tổng số lượng cổ phần phát hành theo đúng số lượng cổ phiếu thực tế đã được phân phối trong đợt phát hành.

**8. Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu**

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu, dự kiến là 60.000.000.000 đồng sẽ được sử dụng đầu tư xây dựng dự án thủy điện Nậm Thi 1.

**9. Thời gian thực hiện dự kiến:** Quý 4/2023 hoặc Quý I/2024

**10. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị**

ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT Công ty lựa chọn thời điểm thực hiện kế hoạch tăng vốn, lựa chọn danh sách các nhà đầu tư, phân phối số lượng cổ phần cho các cổ đông và thực hiện các công việc cần thiết nhằm triển khai thực hiện, đảm bảo lợi ích của các cổ đông, của Công ty và phù hợp với quy định của pháp luật.

*Biểu quyết nhất trí thông qua với ..... cổ phần, đạt .....% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.*

**Điều 7: Ủy quyền cho HĐQT phê duyệt các nội dung:**

1. Lựa chọn Công ty kiểm toán năm 2023.

*Biểu quyết nhất trí thông qua với ..... cổ phần, đạt .....% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.*

2. Xem xét tình hình thực tế nhiệm vụ sản xuất kinh doanh để điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 cho phù hợp với thực tế (nếu có sự thay đổi)

*Biểu quyết nhất trí thông qua với ..... cổ phần, đạt .....% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.*

3. Căn cứ vào tình hình thực tế khi có quyết định của Thủ tướng chính phủ cho phép chuyển đổi mục đích sử dụng đất rừng đối với Dự án thủy điện Nậm Thi 1, Hội đồng quản trị quyết định việc tăng vốn điều lệ đủ để đầu tư xây dựng dự án Nậm Thi 1.

*Biểu quyết nhất trí thông qua với ..... cổ phần, đạt .....% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.*

**Điều 8: Điều khoản thi hành**

Các ông Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và các cổ đông của Công ty cổ phần Sông Đà 7.02 có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này theo đúng chức năng nhiệm vụ hoạt động của mình, theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty cổ phần Sông Đà 7.02.

**Nơi nhận:**

- Như điều 8
- Website Công ty
- Lưu VP/HĐQT

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỊCH HĐQT**

**Nguyễn Hữu Nhuận**

